

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC

TRẦN THỊ THOM\*

Ngày nhận bài: 12/08/2017; ngày sửa chữa: 15/08/2017; ngày duyệt đăng: 18/08/2017.

**Abstract:** This article surveys the assessment of learning outcomes of political theory sciences with competence-based approach to improve the quality of teaching these sciences at schools. Also, the article points out necessary competences that need to be equipped for students as well as the contents of assessment of learning outcomes of political theory sciences with competence-based approach. Moreover, the requirements and difficulties to implement this assessment method at schools have been mentioned in the article.

**Keywords:** Political theory sciences, competence-based approach

**Đ**ánh giá kết quả học tập (KQHT) là một bộ phận không thể thiếu của quá trình dạy học nói chung, dạy học các môn *Lý luận chính trị* (LLCT) nói riêng. Việc đánh giá KQHT giúp người dạy xác định được các KQHT của người học sau quá trình học tập so với mục tiêu đã đề ra, trên cơ sở đó đưa ra các quyết định phù hợp. Đặc biệt, đối với các môn *LLCT*, do tính đặc thù của nó, đòi hỏi chúng ta phải có cách đánh giá sao cho có thể kích thích được sự chủ động, tự giác của người học đồng thời hình thành cho người học những năng lực cần thiết trong nhận thức và trong hoạt động thực tiễn.

## 1. Một số khái niệm

- **Kết quả học tập:** Đây là một trong những thành tố quan trọng của quá trình dạy học. Nó là biểu hiện cụ thể hoạt động học tập của mỗi cá nhân và cũng là cơ sở để đánh giá chất lượng dạy học. KQHT thể hiện mức độ đạt được các mục tiêu của dạy học, trong đó bao gồm ba mục tiêu lớn là: kiến thức, kỹ năng, thái độ. Đối với dạy học theo tiếp cận năng lực (TCNL), KQHT là các tri thức, kỹ năng và thái độ người học đạt được mà những yếu tố này được họ vận dụng để giải quyết các tình huống thực tiễn.

- **Đánh giá KQHT** là vấn đề được đề cập từ lâu trong giáo dục với nhiều quan niệm và cách hiểu khác nhau tùy thuộc vào đối tượng, mục đích của việc đánh giá. Song về cơ bản, đánh giá KQHT phản ánh kết quả mà người học đạt được sau một giai đoạn học tập. Trên cơ sở đó, người dạy và người học sẽ điều chỉnh các thành tố của quá trình dạy học cũng như điều chỉnh sự tác động qua lại giữa các thành tố đó sao cho đáp ứng tốt nhất mục tiêu đặt ra.

- **Năng lực:** Có nhiều cách định nghĩa khác nhau về năng lực. Tuy nhiên, có thể hiểu, năng lực là khả năng làm chủ những hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ và vận hành chúng một cách hợp lý vào việc thực hiện thành công nhiệm vụ hoặc giải quyết hiệu quả vấn đề đặt ra trong cuộc sống.

Năng lực có cấu trúc phức tạp, song những thành tố cơ bản của nó gồm tri thức, kỹ năng và thái độ. Tuy nhiên, năng lực không phải là “phép cộng” giản đơn của tri thức, kỹ năng

và thái độ mà là sự tổng hợp hữu cơ của ba yếu tố này. Nói theo lý thuyết hệ thống thì đó chính là tính trôi hệ thống trên cơ sở sự tổng hợp hữu cơ của ba yếu tố kiến thức, kỹ năng, thái độ; và cả ba yếu tố này được chủ thể vận dụng giải quyết các vấn đề khác nhau trong nhiều bối cảnh khác nhau, từ đó mà tạo thành năng lực cần thiết cho chủ thể.

- **Đánh giá KQHT theo TCNL** là sự đánh giá: + Lấy năng lực của người học là mục tiêu của quá trình dạy học, là kết quả giáo dục; + Lấy mục tiêu năng lực của người học làm cơ sở cho sự điều chỉnh mọi thành tố của quá trình dạy học, quá trình giáo dục, cũng như cho sự đổi mới trong giáo dục.

Đánh giá KQHT theo TCNL không phải là đánh giá các tri thức, kỹ năng tách rời, riêng rẽ của từng bài học, môn học mà đánh giá sự tích hợp tri thức, kỹ năng của nhiều bài học, liên môn học để giải quyết các nhiệm vụ dạy học, giáo dục và các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống bằng nhiều hoạt động khác nhau, trong nhiều tình huống khác nhau.

## 2. Những năng lực cần hình thành và phát triển cho sinh viên (SV) thông qua các môn LLCT

**2.1. Năng lực tự học, tự nghiên cứu.** Đây là năng lực không thể thiếu của SV trên con đường tìm tòi khám phá tri thức. Đặc biệt, đối với các môn *LLCT* mang tính lý thuyết, trừu tượng càng đòi hỏi SV phải có năng lực này. Ở trên lớp, giảng viên (GV) làm nhiệm vụ định hướng những nội dung cơ bản, trên cơ sở đó, SV tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của GV nhằm thực hiện mục tiêu đề ra. Đồng thời, GV phải hướng dẫn, gợi mở, giao nhiệm vụ về nhà cho SV tìm đọc các tài liệu có liên quan để giải quyết các nhiệm vụ học tập nhằm kích thích SV tự tìm tòi nghiên cứu. Các chủ đề mà GV đặt ra cần hướng tới việc gắn các vấn đề lý luận trừu tượng với các vấn đề thực tiễn đang diễn ra, các vấn đề thời sự chính trị - xã hội trong nước và quốc tế nhằm làm cho lý luận bớt khô khan, gần với cuộc sống.

\* **Trưởng Đại học Thủ đô Hà Nội**

**2.2. Năng lực tiếp cận và giải quyết vấn đề.** Các môn *LLCT* góp phần cung cấp cho SV hệ thống quan điểm lí luận chung nhất về tự nhiên và xã hội, trang bị cho SV phương pháp luận khoa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, từ đó hình thành năng lực tiếp cận và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả. Với mỗi nội dung học tập, GV cần yêu cầu SV rút ra bài học phương pháp luận gắn liền với các vấn đề thực tiễn. GV có thể đưa ra các dẫn chứng, các tình huống cụ thể có liên quan đến nội dung bài học và yêu cầu SV giải quyết. GV sẽ là người gợi mở để SV tự lựa chọn các phương án giải quyết khác nhau từ đó rút ra phương án nào là tối ưu nhất. Với những bài học phương pháp luận mà SV rút ra kết hợp với việc thường xuyên được giao nhiệm vụ giải quyết các tình huống thực tiễn sẽ dần hình thành ở SV năng lực tiếp cận và giải quyết vấn đề.

**2.3. Năng lực hợp tác, làm việc nhóm.** Đây là năng lực cần hình thành cho SV thông qua nhiều môn học, trong đó không thể không kể đến các môn *LLCT*. Đặc thù các môn *LLCT* là các môn học khó, mang tính trừu tượng vì thế việc phát huy trí tuệ của tập thể là rất cần thiết. Do đó, trong quá trình dạy học, tùy thuộc từng nội dung bài học, GV sử dụng phương pháp làm việc nhóm để triển khai bài học và thông qua đó giúp SV hình thành năng lực hợp tác, làm việc nhóm hiệu quả. Với mỗi chủ đề GV đặt ra, mỗi nhóm SV sẽ phân công nhiệm vụ cho từng cá nhân, sẽ tổng hợp các nội dung, các ý kiến khác nhau và trình bày trước tập thể. GV đóng vai trò trọng tài dẫn dắt SV tự tổ chức hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra.

**2.4. Năng lực sáng tạo.** Đây là năng lực rất quan trọng, cần được hình thành ở mỗi SV, giúp SV có thể tìm ra cái mới và triển khai ý tưởng mới, không tiếp nhận kiến thức một chiều, thụ động mà luôn có sự phản biện, sáng tạo, gắn lí luận với thực tiễn, góp phần cải tạo thực tiễn. Thực tế cho thấy nội dung kiến thức các môn *LLCT* khá trừu tượng, mang tính lí thuyết, ít biến đổi; còn hiện thực cuộc sống lại luôn vận động, biến đổi không ngừng. Vì vậy, trong quá trình giảng dạy, GV phải quán triệt quan điểm gắn lí luận với thực tiễn, liên hệ thực tiễn để SV được phản biện, sáng tạo, không nên kinh viện giáo điều, áp đặt kiến thức một chiều mà cần gợi mở, khuyến khích SV tìm tòi, phát hiện cái mới.

**2.5. Năng lực giải thích và đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước và thời đại cũng như giải quyết được các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống.** Đây là năng lực rất quan trọng, cần hình thành cho SV qua việc học các môn *LLCT*. Năng lực này là sự thể hiện khả năng gắn lí luận với thực tiễn, lấy lí luận làm cơ sở cho việc đánh giá và giải quyết các vấn đề thực tiễn một cách hiệu quả. Trong quá trình giảng dạy, GV cần gợi mở cho SV liên hệ kiến thức lí luận với thực tiễn, soi chiếu lí luận vào thực tiễn để giải thích, đánh giá được các vấn đề chính trị - xã hội của đất nước và thời đại cũng như giải quyết được các vấn đề nảy

sinh trong cuộc sống. GV có thể đưa ra các tình huống, các vấn đề thời sự để SV đánh giá và giải quyết, GV sẽ điều khiển, hướng dẫn để SV biết cách phân tích, đánh giá một cách đúng đắn.

### **3. Nội dung đánh giá KQHT các môn LLCT theo TCNL**

Để hình thành và phát triển cho SV những năng lực như đã nói ở trên đòi hỏi GV phải thực hiện dạy học TCNL người học trong mọi khâu, mọi thành tố của quá trình dạy học, trong đó không thể không kể đến việc đánh giá KQHT. Đó là:

- Về phương pháp, hình thức đánh giá KQHT: Có nhiều phương pháp, hình thức đánh giá KQHT. Tuy nhiên đánh giá KQHT các môn *LLCT* theo TCNL phải sử dụng đa dạng hóa các phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá (phương pháp kiểm tra vấn đáp, kiểm tra tra viết, kiểm tra thực hành, tự đánh giá và đánh giá chéo...). Đồng thời, cần có sự kết hợp đánh giá thường xuyên với đánh giá định kì và đánh giá tổng kết, gắn hoạt động đánh giá với hoạt động dạy học.

- Về nội dung đánh giá KQHT: + Đánh giá năng lực tự học, tự nghiên cứu: Là đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ mà GV giao cho SV tự nghiên cứu trên lớp và ở nhà. GV sẽ đánh giá các sản phẩm của SV theo các tiêu chí: nguồn tài liệu SV sử dụng tham khảo có phong phú không, có phù hợp với nội dung yêu cầu không; khả năng tổng hợp tài liệu của SV để đưa ra quan điểm, cách hiểu có đảm bảo tính khái quát, logic không; và điều quan trọng nữa đó là thông qua các sản phẩm đó, GV sẽ đánh giá được SV có hứng thú với nhiệm vụ được giao không... từ đó GV có sự hướng dẫn và điều chỉnh phù hợp; + Đánh giá năng lực tiếp cận và giải quyết vấn đề: Là việc đánh giá các phương án mà SV đưa ra cho từng tình huống cụ thể mà GV yêu cầu cũng như việc giải quyết các tình huống đó của SV. GV có thể đánh giá dựa trên các tiêu chí như: cơ sở của phương án mà SV lựa chọn; việc giải quyết các tình huống đảm bảo nguyên tắc khách quan, khoa học; sự linh hoạt ứng biến trong việc giải quyết các tình huống đó; tính hiệu quả, thiết thực trong cách giải quyết vấn đề của SV, ...; + Đánh giá năng lực hợp tác, làm việc nhóm: Là đánh giá khả năng tương tác, phối hợp của SV với các thành viên khác trong nhóm để thực hiện tốt nhiệm vụ mà GV yêu cầu. GV có thể đánh giá bằng việc quan sát trực tiếp mức độ tham gia vào hoạt động của cá nhân trong nhóm cũng như hoạt động của cả nhóm, đánh giá sản phẩm của mỗi cá nhân trong tương quan với sản phẩm của cả nhóm, ngoài ra GV có thể kết hợp với kết quả tự đánh giá của các thành viên trong nhóm để đưa ra những đánh giá phù hợp; + Đánh giá năng lực sáng tạo: Là đánh giá sự phản biện cũng như những quan điểm, ý tưởng mới của SV đối với những vấn đề mà GV đưa ra. GV có thể đánh giá thông qua việc SV đặt câu hỏi, bày tỏ những cách nhìn, ý tưởng mới, qua việc SV vận dụng linh hoạt các bài

học phương pháp luận vào hoạt động thực tiễn của bản thân,...; + Đánh giá năng lực giải thích và đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước và thời đại cũng như giải quyết được các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Là đánh giá nhận thức và hành động của SV trước những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước và thời đại cũng như các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. GV có thể đánh giá SV thông qua cách nhìn nhận, giải quyết các tình huống, các vấn đề thời sự mà GV đặt ra hoặc có thể đánh giá thông qua việc xây dựng các tình huống có vấn đề do chính SV tổ chức đóng vai.

Với mỗi nội dung đánh giá trên, GV sẽ đề ra những tiêu chí để cho điểm một cách phù hợp nhằm kích thích được sự hứng khởi của SV đối với môn học, phát huy được tính chủ động, tự giác của SV, hình thành và phát triển cho SV những năng lực cần thiết.

#### **4. Những yêu cầu và những khó khăn trong việc thực hiện đánh giá KQHT các môn LLCT theo TCNL**

##### **4.1. Đánh giá KQHT các môn LLCT theo TCNL cần đảm bảo những yêu cầu sau:**

- *Yêu cầu đối với GV:* Để thực hiện tốt việc đánh giá KQHT các môn LLCT theo TCNL, GV cần: + Căn cứ vào chuẩn đầu ra các ngành đào tạo để xác định được những mục tiêu năng lực cần hình thành cho SV thông qua môn học. Từ đó xác định những kiến thức, kĩ năng, thái độ cần thiết mà SV phải có để đạt được các năng lực đó; + Thông báo kế hoạch học tập và cách đánh giá KQHT môn học cho SV trước khi bắt đầu môn học để người học có thể nắm được tiến trình học tập và phối hợp tốt với GV để hoàn thành nhiệm vụ dạy học; + Sử dụng linh hoạt các phương pháp để đánh giá KQHT theo TCNL, phối hợp giữa đánh giá với dạy học môn học; không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy làm cho SV hứng thú với môn học đồng thời phát huy tính chủ động tự giác của SV; + Tổ chức hướng dẫn cho SV tự đánh giá để SV biết cách đánh giá và tự đánh giá, đồng thời họ hiểu rõ điểm mạnh, điểm yếu của bản thân để cải tiến hoạt động học tập; + Trong quá trình dạy học, GV luôn gợi mở cho SV rút ra các bài học phương pháp luận, liên hệ kiến thức đã học với thực tiễn, gắn lí luận với thực tiễn.

- *Yêu cầu đối với SV:* + SV cần nhận thức rõ vai trò của đánh giá KQHT đối với việc học tập để thực hiện một cách tự giác và có trách nhiệm đối với hoạt động này; + Thấy được ý nghĩa của các môn LLCT, có tâm lí thoải mái khi học những môn học này, luôn chủ động trong học tập, tích cực tự học tự nghiên cứu; + Hoàn thành các nhiệm vụ học tập được GV giao với chất lượng tốt nhất và đúng thời hạn; + Tích cực tham gia hoạt động thực tiễn, luôn có ý thức gắn lí luận với thực tiễn.

- *Yêu cầu đối với cơ sở đào tạo:* Để thực hiện được đánh giá các môn LLCT theo TCNL cần đảm bảo các điều kiện sau: + Nhà trường cần xây dựng được chuẩn năng lực đầu

ra của SV theo TCNL, từ đó xây dựng các chuẩn năng lực cho môn học; + Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho các phòng học, sắp xếp mỗi lớp không quá 50 SV nhằm tạo thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động học tập một cách hiệu quả; + Biên soạn tài liệu hướng dẫn học tập các môn LLCT theo TCNL.

##### **4.2. Những khó khăn trong việc thực hiện đánh giá KQHT các môn LLCT theo TCNL:**

- Hiện nay các cơ sở đào tạo đều đã xây dựng chuẩn đầu ra cho các ngành đào tạo nhưng các chuẩn đó hầu hết là chuẩn kiến thức, kĩ năng, thái độ chứ chưa phải là chuẩn năng lực. Việc dạy học và đánh giá theo TCNL đòi hỏi phải có chuẩn năng lực đầu ra, tạo cơ sở để thực hiện dạy học và đánh giá môn học theo TCNL.

- Để thực hiện đánh giá KQHT theo TCNL đòi hỏi chương trình các môn LLCT phải được xây dựng theo hướng TCNL, tăng thời lượng thực hành. Tuy nhiên, chương trình hiện nay vẫn được xây dựng theo hướng tiếp cận nội dung, nặng về lí thuyết, thời gian dành cho thực hành môn học còn ít nên việc đánh giá KQHT môn học theo TCNL còn gặp nhiều khó khăn.

- Việc đánh giá KQHT theo TCNL rất khó thực hiện trong một lớp có số lượng SV đông bởi nó ảnh hưởng tới việc tổ chức các hoạt động dạy học, tới sự tương tác giữa GV và SV.

- Tâm lí, thái độ của SV đối với các môn học này cũng là một trong những trở ngại lớn trong việc triển khai các nhiệm vụ học tập. Phần lớn SV chưa nhận thức được tầm quan trọng, ý nghĩa của môn học, vẫn có thái độ học chống đối do đó việc dạy học theo hướng phát triển năng lực SV còn gặp nhiều khó khăn.

\*\*\*

Đánh giá KQHT là một trong những khâu quan trọng của quá trình dạy học TCNL. Thông qua việc đánh giá KQHT sẽ hình thành cho SV nhu cầu thói quen tự đánh giá, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong học tập, rèn luyện tính tự giác, ý chí vươn lên trong học tập và những năng lực cần thiết. Kết quả đánh giá sẽ là căn cứ khởi đầu cho một chu trình dạy học tiếp theo với kết quả cao hơn và là động lực để thúc đẩy sự đổi mới quá trình dạy học. Do đặc thù các môn LLCT mang tính lí luận trừu tượng, để thực hiện đánh giá KQHT theo hướng phát triển năng lực cần có sự điều chỉnh nội dung chương trình, mục đích và nhiệm vụ dạy học, phương pháp giảng dạy,... phù hợp theo hướng phát triển năng lực người học. □

#### **Tài liệu tham khảo**

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết số 01-NQ/TW ngày 28/3/1992 của Bộ Chính trị Về công tác lí luận trong giai đoạn hiện nay.*

(Xem tiếp trang 59)

Các “rào cản” đối với sự phát triển năng lực nghiên cứu của các GV Indonesia bao gồm: - Hỗ trợ thể chế hoặc tài chính hạn chế các nghiên cứu; - Các kĩ năng nghiên cứu không đồng đều giữa các GV đại học; - Thiếu cơ chế đánh giá đồng đẳng và bên ngoài để đảm bảo chất lượng và sự liên quan của nghiên cứu học thuật; - Không có mối liên kết thực tế giữa nghiên cứu và thực tiễn.

Các hội thảo được thiết kế nhằm áp dụng các hoạt động lấy học sinh làm trung tâm, với trọng tâm là học cách thực hiện nghiên cứu tác động và giảm bớt thời lượng học lí thuyết về phương pháp; hỗ trợ thêm để cải thiện điều kiện nghiên cứu, giảng dạy và các yêu cầu dịch vụ của GV đại học Indonesia.

Một số gợi ý để cải thiện các điều kiện hiện tại có thể bao gồm: - Rà soát các hệ thống hỗ trợ hiện tại cho nghiên cứu học thuật; - Thiết lập một chương trình tài trợ nghiên cứu thực tế cho GV; - Tăng cường đào tạo về phương pháp nghiên cứu; - Cung cấp thông tin về các cơ hội đào tạo ở nước ngoài.

### 5. Phổ biến các nghiên cứu tác động

Sau giai đoạn hội thảo, các GV đã xây dựng và dịch được chương trình nghiên cứu tác động cho các bài giảng của họ ở đại học; lên kế hoạch tổ chức những hội thảo tiếp theo; hỗ trợ kĩ thuật, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho các đối tác; hỗ trợ phát triển năng lực của đồng nghiệp và phổ biến nghiên cứu rộng hơn. Với những nghiên cứu tác động có kết quả tốt sẽ được hỗ trợ đầu tư tối đa từ tất cả các bên liên quan, đặc biệt là từ các đối tác sử dụng nguồn lao động.

Mục tiêu của chính phủ Indonesia là tăng số lượng và chất lượng nghiên cứu ở các trường đại học cũng như phổ biến các nghiên cứu sâu rộng hơn và giúp các nhà hoạch định chính sách đưa ra những quyết định sáng suốt liên quan đến sự phát triển. Kinh nghiệm mà các trường đại học Indonesia đã tích lũy chứng minh rằng đây không chỉ là vấn đề đào tạo GV về kĩ thuật và thiết kế nghiên cứu mà còn là vấn đề cải tổ thể chế và hệ thống trong các chính sách, thủ tục, cơ cấu quản trị. Đặc biệt điều này kích thích sự thay đổi về nhận thức và hành động của các GV, làm thỏa mãn những kì vọng của họ về vai trò của GDĐH đối với sự phát triển và hội nhập ở Indonesia.

Đó cũng chính là cơ hội tương lai cho hợp tác quốc tế ở Indonesia. Chính phủ đã thúc đẩy các quan hệ đối tác GDĐH để khuyến khích trao đổi học thuật với nhiều quốc gia và chia sẻ những nỗ lực nhằm cải thiện toàn diện hệ thống GDĐH. Tăng cường cải cách, đổi mới, tạo cơ hội tiếp cận nhiều hơn cho giáo viên, các nhà quản lí và sinh viên với các đối tác là các chính phủ, tổ chức, hội đồng giáo dục quốc tế và các hiệp hội giáo dục trong nước nhằm hỗ trợ mở rộng khả năng cung cấp một hệ thống giáo dục chất lượng cao.

Những kinh nghiệm từ nền GDĐH Indonesia đã và

đang cải thiện đáng kể chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu của một môi trường đầu tư quốc tế. Chính sách và định hướng đầu tư cải thiện và nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV hoàn toàn phù hợp với GDĐH ở Việt Nam giai đoạn hiện nay, theo tinh thần Nghị quyết số 29 - NQ/TW và Chương trình phối hợp công tác giữa Bộ Khoa học & Công nghệ và Bộ GD-ĐT giai đoạn 2017-2025. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [2] Chính phủ. *Nghị quyết số 81/NQ-CP ngày 22/08/2017 của Chính phủ về việc kí Bản ghi nhớ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Indonesia về hợp tác giáo dục*.
- [3] <http://www.iie.org/cip> “Building Research and Teaching Capacity in Indonesia through International Collaboration”
- [4] [http://www.webometrics.info/en/Asia\\_Pacific/South%20East%20Asia](http://www.webometrics.info/en/Asia_Pacific/South%20East%20Asia)
- [5] [https://www.britishcouncil.in/sites/default/files/indonesian\\_higher\\_education\\_system.pdf](https://www.britishcouncil.in/sites/default/files/indonesian_higher_education_system.pdf)
- [6] <http://www.lsi.fsu.edu/>
- [7] <http://thelearningcurve.pearson.com/>

## Đánh giá kết quả học tập các môn...

(Tiếp theo trang 62)

- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013) “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Hướng dẫn 127 (ngày 30/6/2014) thực hiện Kết luận số 94 (28/3/2014) của Ban Bí thư “Về việc tiếp tục đổi mới học tập lí luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”*.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác lí luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030 (Nghị quyết số 37/NQ-TW, ngày 09/10/2014)*.
- [5] Nguyễn Công Khanh (2014). *Kiểm tra đánh giá trong giáo dục* (dành cho sinh viên tại các trường, khoa sư phạm). NXB Đại học sư phạm Hà Nội.
- [6] Đặng Thành Hưng. *Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực*. Tạp chí Quản lí giáo dục, số 43 tháng 12/2012; tr 18-26.
- [7] Đặng Bá Lâm (2015). *Chương trình giáo dục hướng tới phát triển năng lực người học*. Tạp chí Quản lí giáo dục, số 4/2015; tr 47- 49.